

Bản án số: 332/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 21/5/2020  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Lan Ngọc
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Lê Thị Mỹ Cẩm  
2/ Bà Đỗ Thị Thu Hương

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Sâm

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T:* Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1238/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự :

*Nguyên đơn* : Bà Nguyễn Ưông Tú A – sinh năm 1983;  
Địa chỉ: 26 đường L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.  
(có mặt)

*Bị đơn* : Ông Lê Đình H – sinh năm 1975;  
Địa chỉ: 26 đường L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.  
(có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

*Nguyên đơn – bà Nguyễn Ưông Tú A trình bày:*

Bà và ông Lê Đình H tự nguyện chung sống vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 228, quyển số 02.P.12, do ủy ban nhân dân Phường M, quận T cấp ngày 13/11/2006.

Bà và ông H sống chung đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H thay đổi công việc, vợ chồng không có tiếng nói chung trong vấn đề nuôi dạy con, tài chính trong gia đình, ông H không quan tâm chăm lo cho con, không lắng nghe vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau thậm chí có lần ông H dùng vũ lực đối với bà, ông H dùng những từ ngữ không tôn trọng bà. Bà và ông H đã sống ly thân từ cuối tháng 6/2019 đến nay.

Nay cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên bà Tú A yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 03 con chung là Lê Đình K, sinh ngày 06/7/2008, Lê Đình Q, sinh ngày 28/4/2011 và Lê Thanh C, sinh ngày 21/10/2012. Bà Tú A đồng ý giao 02 con chung là Lê Đình K, sinh ngày 06/7/2008, Lê Đình Q, sinh ngày 28/4/2011 cho ông H nuôi dưỡng, bà Tú A nuôi Lê Thanh C, sinh ngày 21/10/2012; không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Bà Tú A khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Tú A khai hai bên không có nợ chung.

*Bị đơn – ông Lê Đình H trình bày:*

Ông H thống nhất ý kiến về thời gian chung sống, kết hôn như bà Tú A trình bày.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhỏ nhưng không đáng kể, ông bà không có cãi nhau nhiều vì khi hai vợ chồng giận nhau thì ông bỏ đi ra ngoài khoảng 1-2 tiếng sau thì về, cũng có lần vợ chồng giận không thể nói chuyện được ông đã đi về nhà cha mẹ ông ngủ qua đêm, trước đây ông có một lần dùng vũ lực với bà Tú A nhưng đã từ rất lâu. Hiện tại ông và bà Tú A đã sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay.

Nay bà Tú A yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì ông cho rằng mâu thuẫn không lớn và ba con chung còn nhỏ, cần có người mẹ, người vợ trong gia đình để chăm sóc.

Về con chung: Có 03 con chung là Lê Đình K, sinh ngày 06/7/2008, Lê Đình Q, sinh ngày 28/4/2011 và Lê Thanh C, sinh ngày 21/10/2012. Trong trường hợp buộc phải giải quyết ly hôn ông đồng ý giao cho bà Tú A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung Lê Thanh C, sinh ngày 21/10/2012 và ông trực tiếp nuôi 02 con chung Lê Đình K, sinh ngày 06/7/2008, Lê Đình Q, sinh ngày 28/4/2011, không bên nào cấp dưỡng cho bên nào.

Về tài sản chung: Ông H khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Và nợ chung: Ông H khai hai bên không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho các đương sự nhưng không thành.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến về các yêu cầu đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu ly hôn với ông Lê Đình H; Về con chung: có 03 con chung, ly hôn bà yêu cầu nuôi 03 con chung là Lê Đình K, sinh ngày 06/7/2008, Lê Đình K, sinh ngày 28/4/2011 và Lê Thanh K, sinh ngày 21/10/2012; bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cả 03 con là 9.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung: Nguyên đơn khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Nguyên đơn khai hai bên không có nợ chung.

Bị đơn, ông Lê Đình H vẫn giữ nguyên ý kiến về các yêu cầu đã trình bày: Ông không đồng ý ly hôn với bà Tú A vì mâu thuẫn vợ chồng không đáng và các con còn nhỏ.

Trong trường hợp buộc phải ly hôn thì ông đồng ý giao cho bà Tú A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung Lê Thanh C, sinh ngày 21/10/2012 và ông trực tiếp

nuôi 02 con chung Lê Đình K, sinh ngày 06/7/2008, Lê Đình Q, sinh ngày 28/4/2011, không bên nào cấp dưỡng cho bên nào.

Ngoài ra, ông H còn có ý kiến khác là nếu Tòa án tuyên xử cho vợ chồng ông ly hôn và giao 03 con chung cho bà Tú A nuôi thì ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi cả 03 con là 10.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung: Bị đơn khai hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Bị đơn khai hai bên không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng từ khi vụ án được thụ lý cũng như tại phiên Tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: không có

Về nội dung: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Uông Tú A có đơn yêu cầu ly hôn ông Lê Đình H. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tư cách tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn bà Nguyễn Uông Tú A, bị đơn ông Lê Đình H.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ông Lê Đình H hiện đang cư trú tại quận T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận T là đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung: nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện giữa bà Tú A và ông H không còn tình cảm vợ chồng, ông bà đã sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay. Nguyên đơn vẫn cương quyết ly hôn thể hiện nguyên đơn không còn tin tưởng, không muốn tiếp tục chung sống với bị đơn; bị đơn có ý kiến không đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn nhưng cũng thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hiện nay đang sống ly thân và không tìm được tiếng nói chung cũng như không có không có biện pháp hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về con chung:

Có 03 con chung là Lê Đình K, sinh ngày 06/7/2008, Lê Đình Q, sinh ngày 28/4/2011 và Lê Thanh C, sinh ngày 21/10/2012. Căn cứ vào nguyện vọng của con chung và để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cả 03 con chung cho bà Tú A nuôi là có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc cấp dưỡng nuôi cả 03 con là 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất khai không có.

Án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn nộp; Án phí về cấp dưỡng do bị đơn nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; căn cứ điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân bà Nguyễn Ưông Tú A được ly hôn ông Lê Đình H.

Về quan hệ con chung: Giao cho bà Nguyễn Ưông Tú A được trực tiếp nuôi 03 con chung Lê Đình K, sinh ngày 06/7/2008; Lê Đình Q, sinh ngày 28/4/2011 và Lê Thanh C, sinh ngày 21/10/2012;

Ông Lê Đình H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả 03 con mỗi tháng là 10.000.000 (Mười triệu) đồng, bắt đầu thi hành từ tháng 6/2020.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không được trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Ưông Tú A nộp. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Ưông Tú A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0039705 ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận T thành tiền án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông Lê Đình H nộp.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận T; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Lan Ngọc**